

HỌC VIỆN THIẾT KẾ YOKOHAMA
Yokohama Design College

KHOA TIẾNG NHẬT
THÔNG TIN TUYỂN SINH

GUIDE FOR ADMISSION OF JAPANESE LANGUAGE DEPARTMENT

1. Thời gian nhập học

Khóa học	Nhập học	Chỉ tiêu tuyển sinh
Khóa học 2 năm	Tháng 4	80 học viên
Khóa học 1.5 năm	Tháng 10	80 học viên
Khóa học 1 năm	Tháng 4	40 học viên
	Tháng 10	40 học viên
Khóa học ngắn hạn	Tháng 4, 10□(Nếu bạn đang ở nhật và đã từng học tiếng nhật thì có thể xin vào học giữa chừng các lớp ngắn hạn)	20 học viên

2. Thời khóa biểu

Thứ	Sáng/Chiều	Thời gian	Lượng thời gian
Thứ 2~thứ 6 (1 tuần 5 ngày) ※ 20 giờ 1 tuần (1 tiết 45 phút)	Sáng	9: 00~12: 30	4 giờ
	Chiều	13: 10~16: 40	4 giờ

3. Điều kiện đăng ký

- Đã tốt nghiệp (hoặc có giấy chứng nhận tốt nghiệp) các trường Phổ Thông trung học 12 năm trở lên hoặc một cơ sở giáo dục cấp trung học và có đủ điều kiện để thi lên đại học, cao đẳng, trung cấp.
- Mặc dù không có quy định về tuổi tác nhưng đối với những học sinh đã hoàn thành phổ thông, cao đẳng... trước đó 5 năm trở lên có thể phải Giải trình

4. Thủ tục nộp đơn

1) Phí đăng ký 25,000 yên Nhật

- Học sinh nộp phí đăng ký khi nộp hồ sơ đăng ký nhập học. Xin lưu ý rằng phí đăng ký cũng sẽ không được hoàn trả lại với bất kỳ lý do gì.

2) Thời gian tiếp nhận hồ sơ

- Nhập học vào tháng 4: đầu tháng 9 đến cuối tháng 10.
- Nhập học vào tháng 10: đầu tháng 3 đến cuối tháng 4.

※ Trong trường hợp thời hạn nộp hồ sơ cho Cục Xuất Nhập Cảnh có thay đổi, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập cũng có thể có thay đổi.

3) Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập học

Học viện thiết kế Yokohama văn phòng khoa tiếng Nhật
Yokohama Design College Admission Office
220-0051 Japan Kanagawa, Yokohama-shi, Nishi-ku, Chuo 1-33-6
TEL. (81)45-323-0300 FAX. (81)45-323-0302

※ Xin gửi hồ sơ đăng ký nhập học bằng EMS hoặc OCS, DHL, TNT. Xin chú ý trong trường hợp gửi thiếu giấy tờ, hồ sơ đăng ký nhập học có thể không được chấp nhận.

4) Tiêu chuẩn tuyển chọn thí sinh

- (Tùy thuộc vào quốc tịch) Việc sàng lọc tài liệu, kiểm tra và phỏng vấn sẽ được tiến hành tại địa phương. Thí sinh phải tham dự buổi phỏng vấn cùng với người bảo lãnh tài chính. Lưu ý rằng, trong trường hợp học sinh trượt kỳ thi tuyển chọn, trường cũng sẽ không thông báo lý do trượt.

5) Hồ sơ đăng ký nhập học

Nếu giấy tờ bằng tiếng Việt, xin gửi kèm bản dịch tiếng Nhật

< Những giấy tờ học sinh phải nộp trong hồ sơ đăng ký nhập học >

1. Đơn đăng ký (A-1,2) do Học viện thiết kế Yokohama phát hành (học sinh tự điền)
2. Sơ yếu lý lịch (B-1,2,3) do Học viện thiết kế Yokohama phát hành (học sinh tự điền)
3. Bản Cam Kết (D-1) do Học viện thiết kế Yokohama phát hành (học sinh tự điền)
4. 5 ảnh (4cm x 3cm) (Tại mặt sau ghi rõ tên và ngày sinh)
5. Bằng tốt nghiệp PTTH, cao đẳng, bậc học cuối cùng mà học sinh học trước đó (bản chính)
6. Trong trường hợp học sinh đang học đại học tại Việt Nam, cần nộp giấy chứng nhận đang học tại trường đại học (bản chính) và bảng điểm đại học (bản chính)
7. Giấy Chứng nhận học tiếng Nhật tại các trung tâm đào tạo Nhật ngữ (Nếu không có các chứng chỉ tiếng nhật thì giấy chứng nhận là cần thiết)
8. Bằng chứng nhận năng lực tiếng Nhật (bản chính). Có thể nộp 1 trong những bằng chứng nhận sau đây:
JLPT/ NAT-TEST N5 (tháng 4), N4 (tháng 10), hoặc J.TEST trình độ E-F.
9. Bản sao hộ chiếu
Đối với những thí sinh đã từng đến Nhật, copy thêm trang visa và ghi thời gian đến và rời khỏi Nhật.
10. Đối với những người đang đi làm, nộp giấy chứng nhận đang làm việc tại công ty hiện thời.
11. Thẻ căn cước công dân (học sinh và phụ huynh)
12. Đơn đăng ký vào ký túc xá (nếu có nguyện vọng vào ký túc xá của trường).

< Những giấy tờ chứng minh tài chính do người cung cấp tài chính nộp >

1. Giấy cung cấp tài chính (C-1) do Học viện thiết kế Yokohama phát hành (người bảo lãnh tài chính tự điền và ký tên)
2. Bản Cam Kết (D-1) do Học viện thiết kế Yokohama phát hành (người bảo lãnh tài chính tự điền và ký tên)
3. Giấy chứng nhận quan hệ giữa người cung cấp tài chính và học sinh. (Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu)
4. Giấy chứng minh số tiền trong tài khoản tiết kiệm
5. Giấy ghi lại quá trình hình thành số tiền trong tài khoản tiết kiệm như copy của sổ tài khoản
6. Giấy chứng minh về công việc của người cung cấp tài chính (có thể nộp 1 trong các giấy tờ sau đây)
 - Trong trường hợp đang làm việc tại cơ quan, công ty, tổ chức, nộp giấy chứng minh người cung cấp tài chính đang làm việc tại cơ quan, công ty, tổ chức đó.
 - Trong trường hợp kinh doanh tự do, giám đốc của công ty..., nộp giấy chứng minh mối quan hệ của người cung cấp tài chính và công ty hoặc giấy phép hành nghề, giấy phép kinh doanh...
7. Giấy chứng minh thu nhập (trong vòng 3 năm kể từ thời điểm hiện tại)
8. Giấy chứng minh quá trình hình thành tài sản (giải trình chi tiết chi tiêu của 12 tháng trong 1 năm gần nhất)
9. Giấy chứng minh đã nộp thuế (trong vòng 3 năm kể từ thời điểm hiện tại)
10. Trong trường hợp người cung cấp tài chính ở Nhật, nộp thẻ cư trú tại Nhật hoặc giấy chứng minh đăng ký người nước ngoài của toàn gia đình (bản chính) và Giấy chứng nhận đóng thuế tại Nhật.

※ Lưu ý: Trong quá trình cục xuất nhập cảnh thẩm tra hồ sơ có thể sẽ yêu cầu nộp thêm các giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của người Bảo lãnh. Về điểm này xin hãy hiểu và thông cảm giúp chúng tôi.

5. Học phí và các khoản phí khác (đơn vị yên Nhật)

※ Từ tháng 4 năm 2024 trở đi chúng tôi sẽ áp dụng mức học phí như ở bên dưới đây.

1) Khóa học dự bị dài hạn

Khóa học tiếng Nhật dự bị dài hạn			
(Chi tiết)	Khóa 1 năm	Khóa 1 năm rưỡi	Khóa 2 năm
Phí đăng ký	25,000	25,000	25,000
Phí nhập học	100,000	100,000	100,000
Học phí	650,000	975,000	1,300,000
Phí cơ sở thiết bị	30,000	40,000	50,000
Các phí khác	20,000	25,000	30,000
Phí tài liệu học tập	25,000	30,000	35,000
Phí ngoại khóa	23,000	32,000	41,000
Phí hội học sinh	10,000	15,000	20,000
Tiền bảo hiểm	12,000	17,000	22,000
Tổng (yen)	895,000	1,259,000	1,623,000

2) Khóa học ngắn hạn

※ Có thể sẽ có sự thay đổi về học phí.

Khóa học tiếng Nhật ngắn hạn			
	1 tháng	2 tháng	3 tháng
Phí nhập học	15,000	15,000	15,000
Học phí	51,000	102,000	153,000
Tổng (yen)	66,000	117,000	168,000

※ Khóa học ngắn hạn là dành cho những người đã và đang hoặc sẽ sinh sống tại Nhật với tư cách lưu trú không phải là du học.

6. Việc làm thêm

- Du học sinh được phép làm thêm tối đa 28 tiếng mỗi tuần. Nhà trường sẽ hỗ trợ giới thiệu việc, kể cả đối với học viên chưa thạo tiếng Nhật.

Các công việc bao gồm: Trung tâm kho vận, nhà máy đóng gói, chuẩn bị suất ăn máy bay, lau dọn, rửa bát đĩa, nhà hàng

7. Học lên bậc cao

- Sau khi học xong tiếng Nhật, học sinh có thể theo đuổi việc học tiếp lên các trường Đại học, Cao học, Cao đẳng nghề. Học viện thiết kế Yokohama cũng có bậc học Cao đẳng nghề, và sẽ dành ưu đãi cho những ai muốn học tiếp lên sau khi kết thúc khóa tiếng Nhật tại trường.

8. Lớp tùy chọn

- Để học sinh có thể học tiếp lên cao chúng tôi có các lớp tùy chọn phù hợp liên quan đến các trường mà học sinh hướng tới. Những người muốn có thể tham gia khóa học miễn phí.
 - ※ Luyện thi JLPT/EJU (Toán, Lý, Các môn đại cương)
 - ※ Luyện thi đại học mỹ thuật: Vẽ cơ bản, bố cục mặt phẳng, hướng dẫn tạo portfolio, v.v.

9. Phương thức thanh toán phí Tuyển sinh, học phí, chi phí sinh hoạt, v.v.

- Sau khi nhận được bản sao của giấy chứng nhận có tư cách lưu trú tại Nhật, thí sinh học phí liên quan kể trên. Sau khi xác nhận, trường sẽ gửi bản chính giấy chứng nhận có tư cách lưu trú tại Nhật.
- Trong thời gian học sinh học tại trường, gia đình cần gửi tiền sinh hoạt phí hoặc học phí một cách định kỳ. Vì việc chứng minh số tiền đã gửi rất quan trọng khi thay đổi tư cách hoặc gia hạn thời gian lưu trú.
 - ※ Theo nguyên tắc, học phí đã nộp cho trường không được hoàn trả lại. Trong trường hợp học sinh không đến được Nhật do có lý do chính đáng, việc hoàn trả lại học phí sẽ được thảo luận giữa trường và phía học sinh.

10. Ký túc xá

Những học sinh học tại Học viện thiết kế Yokohama có thể sử dụng ký túc của trường.

✕ Phí ký túc xá có thể thay đổi.

Sức chứa của mỗi căn hộ	2 người		
Về ký túc xá sinh viên		Chia phòng ở các căn hộ	Khoảng cách đến trường ký túcNam/Nữ
	Ký túc xá 1	chung cư (3DK)	Các tầng trên của trường (ký túc nam)
	Ký túc xá 2	chung cư (2DK)	Khoảng 12 phút đi bộ (ký túc nữ)
	Ký túc xá 3	phong cách ký túc xá	Khoảng 15 phút đi bộ (ký túcNam/Nữ)
	Ký túc xá 4	chung cư (5DK)	Khoảng 1 phút đi bộ (ký túc Nam)
	Ký túc xá 5	chung cư (2DK)	Khoảng 10 phút đi bộ (ký túc Nam)
Tiền phí	Phí vào ký túc xá 40,000 yên Tiền thuê (1 tháng, 2 người 1 phòng) 43,000 yên + Tiền Điện, Nước, Ga, internet... 7,000 yên (Nếu hóa đơn tiện ích thực tế vượt quá giới hạn trên, chúng tôi có thể tính phí chênh lệch.) * Vui lòng chuẩn bị chăn nệm của riêng bạn. Có thể mua từ nhà trường.		

(✕1) Vui lòng liên hệ với văn phòng tuyển sinh để biết chi tiết tình trạng các phòng còn trống của ký túc xá sinh viên.

(✕2) Ngoài ký túc xá của trường, còn có ký túc xá tư nhân khác.Phí ký túc xá cũng khác nhau tùy thuộc vào tình hình. Trường hợp nếu không thể vào được ký túc xá của trường chúng tôi có thể giới thiệu cho các bạn đến đó, vì vậy nếu có nguyện vọng xin vui lòng liên hệ với văn phòng tuyển sinh.

11. Tài khoản của Học viện thiết kế Yokohama

Trường hợp chuyển tiền từ nước ngoài, vui lòng chuyển khoản vào tài khoản sau bằng chuyển khoản điện báo (T/T). Vui lòng chịu phí chuyển tiền.

- Tên tài khoản (A/C NAME): YOKOHAMA DESIGN GAKUIN
- Ngân hàng (Bank):
Bank of Yokohama, Fujidana Branch(Branch No. 382)
- Địa chỉ ngân hàng (Bank Address):
1-51 Fujidana-cho, Nishi-ku, Yokohama, Kanagawa 220-0053 JAPAN
- Số tài khoản (Account number):
382-1513088 (ORDINARY ACCOUNT)
- SWIFT CODE: HMAJPJT
- Khi chuyển tiền, xin ghi rõ tên của học sinh và chữ “Tuition fee”.
- Người gửi chịu phí chuyển tiền.

12. Mọi thắc mắc xin liên hệ

Học viện thiết kế Yokohama văn phòng khoa tiếng Nhật

Yokohama Design College Admission Office

220-0051 Japan Kanagawa, Yokohama-shi,

Nishi-ku, Chuo 1-33-6

Tel: + (81)45-323-0300 Fax : + (81)45-323-0302

E-mail : info@ydc.ac.jp <http://www.ydc.ac.jp/jpn>



Phụ lục: Thanh toán học phí, v.v.

Thời gian học khóa dự bị									
Học kỳ	Khóa học 1 năm		Khóa học 1.5 năm			Khóa học 2 năm			
	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
Phí đăng ký	25,000	0	25,000	0	0	25,000	0	0	0
Phí nhập học	100,000	0	100,000	0	0	100,000	0	0	0
Học phí	325,000	325,000	325,000	325,000	325,000	325,000	325,000	325,000	325,000
Phí cơ sở thiết bị	15,000	15,000	15,000	15,000	10,000	15,000	15,000	10,000	10,000
Các phí khác	10,000	10,000	10,000	10,000	5,000	10,000	10,000	5,000	5,000
Phí tài liệu học tập	12,500	12,500	12,500	12,500	5,000	12,500	12,500	5,000	5,000
Phí ngoại khóa	11,500	11,500	11,500	11,500	9,000	11,500	11,500	9,000	9,000
Phí hội học sinh	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
Tiền bảo hiểm	6,000	6,000	6,000	6,000	5,000	6,000	6,000	5,000	5,000
Tổng (yen)	510,000	385,000	510,000	385,000	364,000	510,000	385,000	364,000	364,000

Sau khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập cảnh (Certificate of Eligibility) được cấp, đối với học sinh Việt Nam bạn sẽ phải đóng học phí (bao gồm phí nhập học) cho năm học đầu tiên. Từ năm học tiếp theo sẽ được đóng theo học kì nửa năm một.